

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MINH HỮU LIÊN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MINH HỮU LIÊN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016



CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong,
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2016	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 31

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng,
Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2016

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016.

CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0305173769 ngày 30 tháng 08 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là ngày 13 tháng 06 năm 2016.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 49.501.710.000 đồng.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Ông Trần Tuấn Minh	Chủ tịch
Ông Trần Xảo Cơ	Phó Chủ tịch
Ông Lê Tấn Quốc	Thành viên
Ông Khưu Kim Hòa	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Hải	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Bà Nguyễn Thị Hoàng Vân	Trưởng ban
Bà Hồ Thị Huỳnh Giao	Thành viên
Ông Huỳnh Trung Hiếu	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Ông Trần Tuấn Minh	Giám đốc
Ông Lê Tấn Quốc	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng,
Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2016

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty ngày 30 tháng 09 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Trần Tuấn Minh
Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2016

Số: 16.493/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 12 năm 2016 từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2016, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)***Ý kiến của kiểm toán viên***

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên vào ngày 30 tháng 09 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2015 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toán phần đối với báo cáo tài chính vào ngày 04 tháng 12 năm 2015.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**Đặng Thị Hồng Loan****Phó Tổng giám đốc**Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0425-2013-026-1**Nguyễn Thụy Nhã Vy****Kiểm toán viên**Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0299-2013-026-1**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ
 Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong,
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2016

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 30/09/2016	Tại ngày 01/10/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		135.510.488.634	143.174.187.482
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		8.901.447.120	5.081.011.375
1. Tiền	111	5.1	8.901.447.120	5.081.011.375
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		39.079.947.920	46.077.824.507
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	39.365.465.643	35.127.584.510
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		688.974.341	1.280.946.541
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		467.727.319	10.703.586.454
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.3	(1.442.219.383)	(1.034.292.998)
III. Hàng tồn kho	140		80.636.671.121	87.865.161.533
1. Hàng tồn kho	141	5.4	80.636.671.121	87.865.161.533
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.892.422.473	4.150.190.067
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	1.908.922.919	1.594.712.699
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.392.572.854	1.964.550.668
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.10	590.926.700	590.926.700
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		26.106.948.342	32.620.792.163
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		448.840.000	2.294.947.682
1. Phải thu dài hạn khác	216		448.840.000	2.294.947.682
II. Tài sản cố định	220		24.636.979.198	28.575.527.498
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	21.260.355.199	15.642.263.902
Nguyên giá	222		45.058.691.472	26.458.173.959
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.798.336.273)	(10.815.910.057)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.6	3.141.820.361	12.648.670.578
Nguyên giá	225		5.220.995.661	20.890.713.768
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.079.175.300)	(8.242.043.190)
3. Tài sản cố định vô hình	227		234.803.638	284.593.018
Nguyên giá	228		398.315.000	398.315.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(163.511.362)	(113.721.982)
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.021.129.144	1.750.316.983
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	1.021.129.144	1.750.316.983
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		161.617.436.976	175.794.979.645

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ
 Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong,
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2016

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Tại ngày 30/09/2016	Tại ngày 01/10/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		104.586.769.759	124.312.235.210
I. Nợ ngắn hạn	310		103.619.467.085	123.237.750.337
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	37.025.682.381	39.187.709.182
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.232.134.473	2.927.123.092
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	3.025.915.351	2.933.500.744
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	454.698.847
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	575.143.369	437.599.147
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.8	61.591.882.494	77.246.315.115
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		168.709.017	50.804.210
II. Nợ dài hạn	330		967.302.674	1.074.484.873
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.8	967.302.674	1.074.484.873
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		57.030.667.217	51.482.744.435
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.12	57.030.667.217	51.482.744.435
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		49.501.710.000	45.131.170.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		49.501.710.000	45.131.170.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		124.205.820	124.205.820
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		2.294.874.180	2.294.874.180
4. Cổ phiếu quỹ	415		(2.294.874.180)	(2.294.874.180)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.356.558.615	809.367.187
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.048.192.782	5.418.001.428
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		270.000	365.203.133
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.047.922.782	5.052.798.295
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		161.617.436.976	175.794.979.645



Trần Tuấn Minh
 Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2016

Đinh Thị Nguyễn Hương
 Kế toán trưởng

Đinh Thị Phương Nga
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ
 Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong,
 Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2016

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	454.435.110.743	441.398.225.691
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	1.345.588.133	144.934.365
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		453.089.522.610	441.253.291.326
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	408.930.585.853	406.878.507.435
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		44.158.936.757	34.374.783.891
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	1.256.876.276	1.144.728.595
7. Chi phí tài chính	22	6.5	7.250.280.438	7.653.922.563
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		6.210.106.199	6.273.710.362
8. Chi phí bán hàng	24	6.6	19.045.414.636	16.475.839.321
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.7	10.322.022.210	7.814.832.813
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.798.095.749	3.574.917.789
11. Thu nhập khác	31		236.788.033	3.686.400.887
12. Chi phí khác	32		33.485.215	63.758.670
13. Lợi nhuận khác	40		203.302.818	3.622.642.217
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.001.398.567	7.197.560.006
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	2.953.475.785	2.144.761.711
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.047.922.782	5.052.798.295
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.12.4	1.133	1.042
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	5.12.5	1.133	947



Trần Tuấn Minh
 Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2016

Đinh Thị Nguyên Hương
 Kế toán trưởng

Đinh Thị Phương Nga
 Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng,
Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2016

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.001.398.567	7.197.560.006
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		6.901.238.040	6.404.504.979
Các khoản dự phòng	03		407.926.385	(133.324.656)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	6.4	(128.870.713)	490.631.355
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(11.084.331)	(798.431.677)
Chi phí lãi vay	06	6.5	6.210.106.199	6.273.710.362
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		22.380.714.147	19.434.650.369
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.095.415.981	2.325.217.733
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		7.228.490.412	(38.237.691.130)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(5.017.486.531)	(5.893.061.898)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		414.977.619	805.277.801
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.210.106.199)	(5.819.011.515)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.10	(2.389.267.251)	(2.904.994.397)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	2.600.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(382.095.193)	(922.224.868)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		22.120.642.985	(31.209.237.905)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.324.738.800)	(1.820.607.209)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		363.636.364	838.645.926
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.497.027	13.509.956
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.951.605.409)	(968.451.327)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng,
Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2016

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	7.1	306.289.817.740	284.034.862.602
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(318.439.975.775)	(248.840.768.881)
3. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	5.8	(3.239.934.226)	(4.640.910.158)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(15.390.092.261)	30.553.183.563
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)	50		3.778.945.315	(1.624.505.669)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5.081.011.375	6.682.241.904
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		41.490.430	23.275.140
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70	5.1	8.901.447.120	5.081.011.375



Trần Tuấn Minh
Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2016

Đinh Thị Nguyễn Hương
Kế toán trưởng

Đinh Thị Phương Nga
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng,
Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2016

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Minh Hữu Liên (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0305173769 ngày 30 tháng 08 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là ngày 13 tháng 06 năm 2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 49.501.710.000 đồng.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng, Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2016 là 264 (30 tháng 09 năm 2015 là: 269 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất giường, tủ, bàn ghế, kệ, tủ bằng gỗ (trừ chế biến gỗ tại trụ sở);
- Sản xuất, mua bán sản phẩm gia dụng: bàn, ghế, xe đẩy, tủ kệ bằng kim loại (không rèn, đúc, cắt, cán, kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, sắt thép;
- Sản xuất sắt, thép, gang và các sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu (không được hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác; và
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty từ 01/10 năm trước đến 30/09 năm nay.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016.

3.3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của ngân hàng giao dịch.

4.2. Áp dụng các Chuẩn mực và Hướng dẫn kế toán mới

Năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016 (dưới đây gọi tắt là "năm 2016") là năm đầu tiên Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam sửa đổi theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (TT200).

TT200 yêu cầu trình bày lại thông tin so sánh trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016 đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa TT200 và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính. Do đó, Công ty đã thực hiện việc trình bày lại một số thông tin sánh trên báo cáo tài chính năm 2016 để phù hợp với việc trình bày các số liệu của năm hiện hành như đã nêu tại mục 10.

4.3. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 09 năm 2016 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.4. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

4.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ"

4.6. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản nợ phải thu được phân loại là phải thu khách hàng và phải thu khác theo nguyên tắc là: Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua bán; Các khoản phải thu còn lại được phân loại là phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải thu thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế cuối kỳ.

Nợ phải thu chỉ được ghi nhận tới mức có thể thu hồi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua. Khi mua hàng tồn kho nếu được nhận kèm thêm sản phẩm, hàng hóa, thiết bị, phụ tùng thay thế (phòng ngừa trường hợp hỏng hóc) thì xác định và ghi nhận riêng sản phẩm, phụ tùng thiết bị thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi chi phí mua của hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, chi phí thuê văn phòng và các chi phí khác. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	07 - 08 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 - 07 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 06 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

4.10. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại cho mỗi kỳ kế toán.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Công ty, cụ thể như sau:

Máy móc, thiết bị	07 năm
-------------------	--------

Thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng phù hợp với thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản lợi ích đã thu hoặc phải thu liên quan tới hợp đồng thuê hoạt động cũng được phân bổ theo đường thẳng phù hợp với thời hạn của hợp đồng thuê.

4.11. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái cuối năm.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả như chi phí tư vấn và các chi phí khác được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập quy định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.15. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

4.16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

4.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.18. Chi phí tài chính

Chi phí lãi vay kể cả số trích trước và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong báo cáo tài chính.

4.19. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp ghi nhận đầy đủ các chi phí phát sinh trong năm.

4.20. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.22. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm là 22% (từ 01/10/2015 đến 31/12/2015) và 20% (từ 01/01/2016 đến 30/09/2016).

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo mức thuế 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/09/2016 VND	Tại ngày 01/10/2015 VND
Tiền mặt	770.661.627	3.069.369.270
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.130.785.493	2.011.642.105
Cộng	8.901.447.120	5.081.011.375

5.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/09/2016 VND	Tại ngày 01/10/2015 VND
Công ty TNHH MTV Thép Hữu Liên	4.551.424.978	1.884.867.305
Harbor Freight Tools	7.642.096.628	9.781.137.080
Các khách hàng khác	27.171.944.037	23.461.580.125
Cộng	39.365.465.643	35.127.584.510

Trong đó, phải thu của khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 9:

Công ty CP Hữu Liên Á Châu	600.000.000	748.002
----------------------------	-------------	---------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.3. Nợ xấu

	Tại ngày 30/09/2016 VND		Tại ngày 01/10/2015 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	1.446.607.783	4.388.400	1.654.198.446	619.905.448

Ban Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì các khoản nợ này đã quá thời hạn thanh toán lâu và đã yêu cầu thanh toán nhiều lần nhưng chưa thể thu hồi.

5.4. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/09/2016 VND		Tại ngày 01/10/2015 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	37.461.198.915	-	41.277.174.402	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.013.575.263	-	939.509.422	-
Thành phẩm	38.569.546.539	-	42.445.394.780	-
Hàng hóa	3.592.350.404	-	3.203.082.929	-
Cộng	80.636.671.121	-	87.865.161.533	-

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay tại thời điểm cuối kỳ là 60.472.281.363 đồng. – Xem thêm mục 5.8

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng,

Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.5. Tàng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng VND
	VND	VND				
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/10/2015	775.086.961	23.302.070.406	1.907.690.390	473.326.202	26.458.173.959	
Mua trong năm	-	2.035.120.618	1.289.618.182	-	3.324.738.800	
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	15.669.718.107	-	-	15.669.718.107	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(393.939.394)	-	(393.939.394)	
Tại ngày 30/09/2016	775.086.961	41.006.909.131	2.803.369.178	473.326.202	45.058.691.472	

Giá trị hao mòn lũy kế:

Tại ngày 01/10/2015	89.632.112	9.912.921.154	445.148.784	368.208.007	10.815.910.057	
Khấu hao trong năm	106.537.272	4.744.885.103	393.570.277	38.933.240	5.283.925.892	
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	7.730.390.658	-	-	7.730.390.658	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(31.890.334)	-	(31.890.334)	
Tại ngày 30/09/2016	196.169.384	22.388.196.915	806.828.727	407.141.247	23.798.336.273	

Giá trị còn lại:

Tại ngày 01/10/2015	685.454.849	13.389.149.252	1.462.541.606	105.118.195	15.642.263.902	
Tại ngày 30/09/2016	578.917.577	18.618.712.216	1.996.540.451	66.184.955	21.260.355.199	

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.070.001.553 đồng.

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng đảm bảo cho các khoản vay là 2.610.981.823 đồng. – Xem thêm mục 5.8.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính Khoản mục	Máy móc, thiết bị VND	
Nguyên giá:		
Tại ngày 01/10/2015		20.890.713.768
Mua lại tài sản thuê		(15.669.718.107)
		<hr/>
Tại ngày 30/09/2016		5.220.995.661
Giá trị hao mòn lũy kế:		
Tại ngày 01/10/2015		8.242.043.190
Khấu hao trong năm		1.567.522.768
Mua lại tài sản thuê		(7.730.390.658)
		<hr/>
Tại ngày 30/09/2016		2.079.175.300
Giá trị còn lại:		
Tại ngày 01/10/2015		12.648.670.578
Tại ngày 30/09/2016		3.141.820.361
		<hr/>
5.7. Chi phí trả trước	Tại ngày 30/09/2016 VND	Tại ngày 01/10/2015 VND
Ngắn hạn:		
Lương tháng 13 và thưởng	608.991.572	603.946.352
Chi phí thuê nhà	312.500.000	236.800.000
Các khoản khác	987.431.347	753.966.347
		<hr/>
Cộng	1.908.922.919	1.594.712.699
Dài hạn:		
Công cụ dụng cụ	576.104.041	998.581.689
Các khoản khác	445.025.103	751.735.294
		<hr/>
Cộng	1.021.129.144	1.750.316.983
		<hr/>

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng,
Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/09/2016 VND		Tại ngày 01/10/2015 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Trung tâm gia công Posco Việt Nam	15.447.475.207	15.447.475.207	10.981.773.933	10.981.773.933
Công ty CP Tập đoàn Thiên Quang	15.218.434.754	15.218.434.754	22.018.243.797	22.018.243.797
Các nhà cung cấp khác	6.359.772.420	6.359.772.420	6.187.691.452	6.187.691.452
Cộng	37.025.682.381	37.025.682.381	39.187.709.182	39.187.709.182

Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 9:

Công ty CP Hữu Liên Á Châu	167.255.609	167.255.609	705.440.128	705.440.128
-------------------------------	-------------	-------------	-------------	-------------

5.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/10/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Tại ngày 30/09/2016 VND
Phải nộp:				
Thuế giá trị gia tăng	218.596.792	1.259.727.323	1.478.324.115	-
Thuế xuất nhập khẩu	249.641.279	610.691.491	856.663.590	3.669.180
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.380.209.859	2.953.475.785	2.389.267.251	2.944.418.393
Thuế thu nhập cá nhân	85.052.814	385.299.545	392.524.581	77.827.778
Cộng	2.933.500.744	5.209.194.144	5.116.779.537	3.025.915.351
Phải thu:				
Thuế chống bán phá giá	590.926.700	1.354.436.618	1.354.436.618	590.926.700

5.11. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/09/2016 VND	Tại ngày 01/10/2015 VND
Kinh phí công đoàn	88.131.824	80.150.930
Bảo hiểm xã hội	389.303.325	292.321.294
Bảo hiểm y tế	67.773.198	40.116.723
Bảo hiểm thất nghiệp	29.935.022	25.010.200
Cộng	575.143.369	437.599.147

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng,

Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.12. Vốn chủ sở hữu****5.12.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu							Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Có phiếu ngân quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	VND	
Số dư tại ngày 01/10/2014	39.763.500.000	1.657.825.820	2.294.874.180	(2.294.874.180)	809.367.187	4.849.253.133	47.079.946.140	
Tăng vốn trong năm trước	5.367.670.000	(1.533.620.000)	-	-	-	(3.834.050.000)	-	
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	5.052.798.295	5.052.798.295	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(650.000.000)	(650.000.000)	
Số dư tại ngày 30/09/2015	45.131.170.000	124.205.820	2.294.874.180	(2.294.874.180)	809.367.187	5.418.001.428	51.482.744.435	
Tăng vốn trong năm nay	4.370.540.000	-	-	-	-	(4.370.540.000)	-	
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	6.047.922.782	6.047.922.782	
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	547.191.428	(547.191.428)	-	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)	
Số dư tại ngày 30/09/2016	49.501.710.000	124.205.820	2.294.874.180	(2.294.874.180)	1.356.558.615	6.048.192.782	57.030.667.217	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.12.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/09/2016 VND	Tại ngày 01/10/2015 VND
Vốn góp của Công ty CP Hữu Liên Á Châu	15.298.800.000	13.908.000.000
Vốn góp của Ông Trần Tuấn Minh	2.257.200.000	2.052.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	31.945.710.000	29.171.170.000
Cộng	49.501.710.000	45.131.170.000

5.12.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/09/2016	Tại ngày 01/10/2015
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	4.950.171	4.513.117
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	4.950.171	4.513.117
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(142.300)	(142.300)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	4.807.871	4.370.817

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

5.12.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng phúc lợi	5.447.922.782	4.552.798.295
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	4.807.871	4.370.817
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.133	1.042

5.12.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng phúc lợi	5.447.922.782	4.552.798.295
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm bao gồm cả số cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm.	4.807.871	4.807.871
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.133	947

5.13. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/09/2016	Tại ngày 01/10/2015
Nợ khó đòi đã xử lý	1.061.625.388	1.061.625.388
Ngoại tệ các loại (USD)	286.988,63	2.113,87

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	55.028.406.662	38.319.873.613
Doanh thu bán thành phẩm	398.746.704.081	402.271.079.351
Doanh thu cho thuê nhà	660.000.000	807.272.727

Cộng

454.435.110.743

441.398.225.691

Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan –
Xem thêm mục 9:

 Công ty CP Hữu Liên Á Châu

9.350.544.224

680.002

6.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giảm giá hàng bán	1.116.609.952	-
Hàng bán bị trả lại	228.978.181	144.934.365

Cộng

1.345.588.133

144.934.365

6.3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	55.665.103.026	37.720.129.646
Giá vốn của thành phẩm đã bán	352.595.824.762	368.534.187.458
Giá vốn cho thuê nhà	669.658.065	624.190.331

Cộng

408.930.585.853

406.878.507.435

6.4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.497.027	13.509.956
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.118.508.536	1.131.218.639
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	128.870.713	-

Cộng

1.256.876.276

1.144.728.595

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6.5. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	6.210.106.199	6.273.710.362
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.040.174.239	889.580.846
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	490.631.355
Cộng	7.250.280.438	7.653.922.563

6.6. Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	4.924.538.148	4.743.687.080
Chi phí dụng cụ đồ dùng	1.073.475.732	1.081.390.801
Chi phí khấu hao tài sản cố định	142.443.974	161.669.433
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.583.216.531	8.706.913.437
Các khoản chi phí khác	3.321.740.251	1.782.178.570
Cộng	19.045.414.636	16.475.839.321

6.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.809.683.015	3.843.542.119
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.145.271.079	680.506.749
Chi phí dự phòng	407.926.385	438.572.315
Chi phí khấu hao tài sản cố định	401.022.946	267.085.974
Thuế phí, lệ phí	75.650.000	24.923.714
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.455.596.468	2.355.434.139
Chi phí bằng tiền khác	2.026.872.317	204.767.803
Cộng	10.322.022.210	7.814.832.813

6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu	363.416.690.344	345.608.889.504
Chi phí nhân công	34.659.399.157	32.011.192.186
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.940.357.171	6.404.504.979
Chi phí dự phòng	407.926.385	438.572.315
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.059.152.780	18.536.375.103
Chi phí khác bằng tiền	10.012.714.462	6.626.987.287
Cộng	434.496.240.299	409.626.521.374

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	9.001.398.567	7.197.560.006
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	5.625.891.383	2.576.158.800
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(220.091.000)	(24.801.940)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	14.407.198.950	9.748.916.866
▪ Thu nhập chịu thuế suất 22%	3.601.799.738	9.748.916.866
▪ Thu nhập chịu thuế suất 20%	10.805.399.213	-
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	2.953.475.785	2.144.761.711
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.953.475.785	2.144.761.711

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế.

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ**7.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	306.289.817.740

7.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(318.439.975.775)

8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý như sau:

- Trong nước
- Xuất khẩu

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng,
Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 09 năm 2016:

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng cộng	
	Năm 2016 Triệu đồng	Năm 2015 Triệu đồng	Năm 2016 Triệu đồng	Năm 2015 Triệu đồng	Năm 2016 Triệu đồng	Năm 2015 Triệu đồng
Doanh thu						
Từ khách hàng bên ngoài	232.617	242.805	220.473	198.448	453.090	441.253
Cộng	232.617	242.805	220.473	198.448	453.090	441.253
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Kết quả của bộ phận CP không phân bổ	12.659	11.696	31.500	22.679	44.159	34.375
Thu nhập tài chính					29.164	20.668
Chi phí tài chính					1.257	1.145
Lợi nhuận trước thuế					7.250	7.654
Thuế TNDN					9.001	7.198
					2.953	2.145
Lợi nhuận sau thuế					6.048	5.053
Các thông tin khác						
	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng cộng	
	30/09 2016 Triệu đồng	01/10 2015 Triệu đồng	30/09 2016 Triệu đồng	01/10 2015 Triệu đồng	30/09 2016 Triệu đồng	01/10 2015 Triệu đồng
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	25.429	23.909	13.936	11.184	39.365	35.093
					122.252	140.702
Tổng tài sản					161.617	175.795
	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng cộng	
	30/09 2016 Triệu đồng	01/10 2015 Triệu đồng	30/09 2016 Triệu đồng	01/10 2015 Triệu đồng	30/09 2016 Triệu đồng	01/10 2015 Triệu đồng
Nợ phải trả của bộ phận Nợ phải trả không phân bổ	34.455	39.188	2.570	-	37.025	39.188
					67.561	85.124
Tổng nợ phải trả					104.586	124.312

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng,
Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 30 tháng 09 năm 2016 (tiếp theo):

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng cộng	
	Năm 2016 Triệu đồng	Năm 2015 Triệu đồng	Năm 2016 Triệu đồng	Năm 2015 Triệu đồng	Năm 2016 Triệu đồng	Năm 2015 Triệu đồng
Chi phí mua sắm tài sản	3.325	1.821	-	-	3.325	1.821
Chi phí khấu hao	6.901	6.405	-	-	6.901	6.405

Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì lĩnh vực kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất và kinh doanh sắt thép, nên báo cáo kết quả kinh doanh đã trình bày rõ doanh thu, chi phí và lợi nhuận, do đó, không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo lĩnh vực kinh doanh cần thiết phải thuyết minh.

9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các đơn vị và cá nhân dưới đây được xác định là các bên liên quan theo định nghĩa của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26:

Danh sách các bên liên quan

1. Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu
2. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Mối quan hệ

Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể
Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/09/2016 VND	Tại ngày 01/10/2015 VND
Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu:		
Phải thu – Xem thêm mục 5.2	600.000.000	748.002
Phải trả - Xem thêm mục 5.9	(167.255.609)	(705.440.128)

Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch với các bên có liên quan trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Hữu Liên Á Châu:		
Bán hàng – Xem thêm mục 6.1	9.350.544.224	680.002
Mua hàng	916.459.862	4.841.605.918
Thuê kho	7.541.541.124	5.048.766.924

Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thu nhập của Ban Giám đốc được chi tiết như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	528.000.000	456.000.000
Thu nhập Ban Giám đốc	970.492.000	822.727.000
Cộng	1.498.492.000	1.278.727.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**10. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC (TT200) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp:

Bảng cân đối kế toán (Trích):

	Tại ngày 01/10/2015 VND (Được báo cáo lại)	Tại ngày 01/10/2015 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Phải thu ngắn hạn khác	10.703.586.454	8.793.462.067
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	590.926.700	-
Tài sản ngắn hạn khác	-	2.501.051.087
Phải thu dài hạn khác	2.294.947.682	-
Tài sản dài hạn khác	-	2.294.947.682
Quỹ đầu tư phát triển	809.367.187	110.877.737
Quỹ dự phòng tài chính	-	698.489.450

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Năm trước VND (Được báo cáo lại)	Năm trước VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.042	1.156

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Trích):

	Năm trước VND (Được báo cáo lại)	Năm trước VND (Đã được báo cáo trước đây)
Tăng, giảm các khoản phải thu	2.325.217.733	46.645.779.468
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	2.600.000	3.033.342.805
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(922.224.868)	(48.273.529.408)

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh nêu trên là do có sự thay đổi giữa TT200 và các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HỮU LIÊN

Địa chỉ: R1-49 Khu phố Hưng Phước 4 - Phú Mỹ Hưng,
Đường Bùi Bằng Đoàn, Phường Tân Phong, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

12. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành ngày 20 tháng 12 năm 2016.



Trần Tuấn Minh
Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2016

Đinh Thị Nguyên Hương
Kế toán trưởng

Đinh Thị Phương Nga
Người lập

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD

AUDIT | TAX | CONSULTING

RSM Vietnam

5th Floor, Sai Gon 3 Building
140 Nguyen Van Thu Street, Da Kao Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam

T +848 3827 5026
F +848 3827 5027

Ha Noi Office
7th Floor, Lotus Building, 2 Duy Tan Street
Cau Giay District, Hanoi, Vietnam

T +844 3795 5353
F +844 3795 5252

Central Office
197 Le Dinh Ly Street, Hoa Thuan Tay Ward
Hai Chau District, Da Nang, Vietnam

T +84 511 363 3334
F +84 511 363 3334

